

GIẢI PHÁP CHUẨN HOÁ ĐỊA DANH TÂY NGUYÊN

ThS. Trịnh Anh Cơ

Hội Trắc địa - Bản đồ - Viễn thám Việt Nam

Tóm tắt:

Chuẩn hoá địa danh trên địa bàn Tây Nguyên của Việt Nam là nhiệm vụ vô cùng khó khăn do đặc điểm ngôn ngữ của các dân tộc sống trên địa bàn này. Tác giả đã đề xuất giải pháp cho việc chuẩn hoá địa danh Tây Nguyên trên cơ sở kết hợp tất cả các nguyên tắc phiên chuyển địa danh của nhóm chuyên gia Liên hiệp quốc về địa danh của địa danh học và của Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia chuẩn hoá địa danh của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

1. Đặt vấn đề

Thực hiện Đề án “Xây dựng hệ thống thông tin Địa danh Việt Nam và Quốc tế phục vụ công tác lập bản đồ” đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường phê duyệt tháng 12/2015, Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam (nay là Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam) đã chia Việt Nam thành 8 vùng, bao gồm: vùng Đông Bắc Việt Nam, vùng Tây Bắc Việt Nam, vùng Đồng bằng Sông Hồng, vùng Duyên hải Bắc Trung Bộ, vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, vùng Đông Nam Bộ, vùng Tây Nam Bộ và vùng Tây Nguyên.

Việc chuẩn hóa địa danh các vùng nói trên được tiến hành từ Bắc vào Nam, riêng vùng Tây Nguyên được chọn làm sau cùng vì là vùng khó khăn nhất, phức tạp nhất về vấn đề dân tộc - ngôn ngữ với hy vọng sẽ rút được kinh nghiệm từ các vùng khác và để có thời gian nghiên cứu, tìm kiếm giải pháp chuẩn hóa địa danh cho vùng này một cách có cơ sở khoa học, thuyết phục và khả thi.

2. Đặc điểm dân tộc - ngôn ngữ vùng Tây Nguyên.

Tây Nguyên gồm 5 Tỉnh Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông và Lâm Đồng.

Năm 1976, dân số Tây Nguyên chỉ là 1.225.000 người với 18 dân tộc, trong đó đồng bào dân tộc thiểu số bản địa là 853.820 người chiếm 69,7% tổng số dân. Đến nay, dân số Tây Nguyên đã là gần 5.000.000 người với 46 dân tộc, trong đó đồng bào dân tộc thiểu số bản địa là khoảng 1.200.000 người chiếm khoảng 24% tổng số dân. Đây là kết quả của gia tăng dân số tự nhiên (phần nhỏ) và gia tăng dân số cơ học (phần lớn) theo di dân kế hoạch và di dân tự nhiên.

Tây Nguyên là nơi cư trú của các dân tộc bản địa như Ba Na, Gia Rai, Ê Đê, Cơ Ho, Mạ, Xơ Đăng, M' Nông... Các dân tộc này đều có tiếng nói và chữ viết riêng tự dạng La tin (chữ Ba Na xuất hiện năm 1861, chữ Gia Rai năm 1918, chữ Ê Đê năm 1923, chữ Cơ Ho năm 1949 và chữ Xơ Đăng sau đó).

Địa danh Tây Nguyên vốn dĩ được bà con các dân tộc bản địa ở đây đặt từ lâu đời và sau khi có chữ viết tất cả các địa danh đã được La tin hóa theo chữ viết của họ.

Bộ chữ các dân tộc bản địa Tây Nguyên hơn bộ chữ Quốc ngữ 4 con chữ W, Z, J, F và dấu phẩy treo (').

Chính tả ngôn ngữ các dân tộc bản địa Tây Nguyên cho phép sử dụng các phụ âm kép ck, rk, nts, lm và các phụ âm câm b, d, r, l, s, v, k, h ở cuối vần và cho phép sử dụng các tổ hợp phụ âm kr, br, bn, hr, xp, xt, pl, st, cr ở đầu vần. Đây là sự khác biệt cơ bản với chính tả tiếng Việt và vì vậy rất nhiều địa danh ở Tây Nguyên người Việt không đọc được. Ví dụ:

Dăk Krig, Bnom Chérian, Dak R'tih, Ea Knhôt, Ea Klah, Ea Wy, Ea H'Mo, Chur Ouie, Cù Kniel, Chur Knung Dlâng, Chur Drêh, Chur Dliê Yong, Buôn Kuah, Buôn K'mrong, Buôn Gha Mah, Buôn Plôr, Buôn Ea Óh, Buôn Coah, Buôn Choăh...

Rất nhiều địa danh ở Tây Nguyên chỉ có 1 âm tiết (ví dụ: Plei Ku, Ea Ly...) nên các danh từ chung này thường được viết liền với danh như một bộ phận của danh (ví dụ: Thành phố Pleiku, Sông Ea ly, sông Krông Nô...).

Các danh từ chung chỉ đối tượng địa lý (tên sông tên núi, tên làng...) của các dân tộc bản địa Tây Nguyên cũng rất phong phú và thường chỉ những người sống ở Tây Nguyên hiểu được. Ví dụ:

- Các danh từ chung chỉ núi: Chur/Chự/Cù/Ngok...
- Các danh từ chung chỉ sông/suối/hồ: Da/Đạ/Đăk/Ea/Ya/Ia.Prek...
- Các danh từ chung chỉ tên làng: Buôn/Bon/Plei...

Việc dịch nghĩa của các danh từ chung sang tiếng Việt cho các địa danh Tây Nguyên cũng là khẳng định chủ quyền lãnh thổ của Việt Nam đối với Tây Nguyên vì trên địa bàn Tây Nguyên có nhiều địa danh sơn văn, thủy văn trùng cách gọi và cách viết với địa danh Lào và Cam Pu Chia.

Cách đặt địa danh Dân cư, Kinh tế - Xã hội theo địa danh tự nhiên (tên sông, núi) rất phổ biến. Ví dụ:

- Sông Krông Ana → huyện Krông Ana.
- Núi Cù Jut → huyện Cù Jut.
- Sông Ea Ly → nhà máy Thủy điện Ea Ly, trường PTTH Ea Ly, Bệnh viện Ea Ly.

3. Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Chuẩn hóa Địa danh

Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chuẩn hóa Địa danh phục vụ công tác lập bản đồ quy định “khi phiên chuyển địa danh các dân tộc thiểu số, địa danh nước ngoài sang tiếng Việt phải phù hợp với bộ chữ và cách đọc của tiếng Việt, tôn trọng tín ngưỡng, tình cảm của các dân tộc” và “mỗi địa danh phải được xác định danh từ chung, trừ trường hợp do tính lịch sử của địa danh hoặc do đối tượng địa lý đã bị biến đổi không thể xác định được”.

Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chuẩn hóa Địa danh cũng quy định “địa danh sau khi chuẩn hóa được viết bằng chữ Quốc ngữ, theo chính tả tiếng Việt, không có dấu phẩy treo (’), hạn chế sử dụng dấu gạch nối (-) và “sử dụng chữ cái hoặc tổ hợp chữ cái của bộ chữ tiếng Việt để ghi các phụ âm đầu tương ứng hoặc phụ âm có cách đọc gần giống với địa danh ngôn ngữ” và “đối với các phụ âm cuối không có trong chính tả tiếng Việt như : b, d, f, j, k, l, r, s, v, w, z được thay thế bằng các phụ âm tương ứng trong bộ chữ chính tả tiếng Việt và thanh điệu thích hợp khi cần thiết”.

Việc phiên chuyển địa danh từ địa danh gốc các dân tộc bản địa Tây Nguyên sang tiếng Việt được tiến hành và viết theo các phụ lục sau của Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chuẩn hóa Địa danh. Cụ thể như sau:

- Phụ lục 1: mẫu phiên chuyển địa danh gốc nhóm ngôn ngữ - tộc người Ba Na.

- Phụ lục 5: mẫu phiên chuyển địa danh gốc nhóm ngôn ngữ - tộc người Nam Đảo.

- Phụ lục 9: hướng dẫn phiên chuyển địa danh gốc ngôn ngữ các dân tộc thiểu số sang tiếng Việt và các viết địa danh.

4. Nguyên tắc chung của UNGEGN và địa danh học (Toponym)

UNGEGN (Nhóm chuyên gia Liên Hiệp Quốc về địa danh) quy định “sử dụng bộ chữ La tin và La tin hóa và trong bất cứ trường hợp nào cũng không được vi phạm tín ngưỡng và tình cảm của dân tộc”.

Các nguyên tắc của địa danh học cho việc phiên chuyển địa danh từ ngữ này sang ngữ khác cụ thể như sau:

1. Giữ nguyên nguyên ngữ (địa danh gốc viết thế nào sẽ được viết lại nguyên như vậy).
2. Phiên âm (căn cứ vào âm của địa danh gốc, ghi lại âm đó bằng chữ viết của ngôn ngữ cần sử dụng).
3. Chuyển tự (dùng các chữ cái tương đương của ngôn ngữ cần sử dụng để chuyển các chữ cái của địa danh gốc).
4. Dịch nghĩa (dịch nghĩa của địa danh gốc sang ngôn ngữ cần sử dụng).
5. Sử dụng theo thói quen (hiện đang quen dùng như thế nào thì để nguyên như thế).
6. Theo quy định của Nhà nước hay Ủy ban Quốc gia địa danh (đối với những trường hợp địa danh được quyết định bởi các nghị định của Nhà nước và những trường hợp đặc biệt nhạy cảm khác).

5. Giải pháp chuẩn hóa địa danh Tây Nguyên

Qua phân tích ở trên có thể thấy rằng việc chuẩn hóa địa danh Tây Nguyên là trường hợp đặc biệt của chuẩn hóa địa danh Việt Nam. Phải vận dụng tất cả các nguyên tắc của UNGEGN, của địa danh học cũng như những quy định cụ thể của Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chuẩn hóa Địa danh phục vụ công tác lập bản đồ mới có thể tìm ra giải pháp có cơ sở khoa học, thuyết phục và khả thi. Chúng tôi đã đề xuất giải pháp chuẩn hóa địa danh Tây Nguyên và giải pháp này đã được sự đồng thuận và chấp nhận của cả 5 tỉnh Tây Nguyên. Hiện giải pháp này đang được vận dụng cho việc triển khai Thiết Kế Kỹ thuật Dự toán “Xây dựng Hệ thống thông tin địa danh Dân cư, Sơn văn, Thủy văn và Kinh tế - Xã hội Tây Nguyên”.

Giải pháp chuẩn hóa địa danh Tây Nguyên gồm những nguyên tắc sau:

1. Giữ nguyên địa danh nguyên ngữ của các dân tộc bản địa trên địa bàn Tây Nguyên.

Nguyên tắc này thỏa mãn nguyên tắc của UNGEGN và nguyên tắc 1 của địa danh học. Tuy nhiên sẽ có nhiều địa danh mà người Việt nói chung và người các dân tộc khác trên địa bàn Tây Nguyên không đọc được hoặc đọc không chính xác. Nguyên tắc này cũng mâu thuẫn với quy chuẩn của Quốc gia về Chuẩn hóa Địa danh vì sẽ tồn tại các con chữ W, Z, J, F, dấu phẩy treo (') và nhiều phụ âm đầu, cuối không có trong chính tả tiếng Việt.

2. Phiên chuyển các địa danh không đọc được nói trên bằng cách sử dụng phụ lục 1 và 5 của Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chuẩn hóa địa danh kết hợp với kiến thức, kinh nghiệm của các chuyên gia ngôn ngữ Trung ương và Địa phương cũng như của già làng, trưởng bản, cán bộ tại các xã, huyện.

Nguyên tắc này phù hợp với nguyên tắc 2, 3 của địa danh học và khắc phục được những hạn chế việc sử dụng các phụ âm đầu và cuối vần cũng như hạn chế việc sử dụng các chữ W, Z, J, F, dấu phẩy treo (') theo phụ lục 9 của quy chuẩn (mục b, cách viết địa danh Việt Nam có ngôn ngữ gốc các dân tộc thiểu số Việt Nam).

3. Các danh từ chung chỉ các đối tượng địa lý đều được dịch sang tiếng Việt để mọi người đều hiểu đúng đối tượng địa lý đó, đồng thời được viết kèm theo danh từ chung tiếng dân tộc bản địa. Ví dụ:

Núi Chư Pả, sông Krông Ana, sông Krông Puk, Buôn Plei Càn, Buôn Bon Coah.

4. Giữ nguyên cách viết của các địa danh hành chính và địa danh của các đối tượng địa lý đã được quy định trong các văn bản pháp lý của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền (danh mục thôn, làng, bản, tên đường, cầu, tên các di tích lịch sử...).

Nguyên tắc này phù hợp với nguyên tắc 5, 6 của địa danh học.

6. Kết luận

Việc tìm kiếm giải pháp hoàn hảo cho việc chuẩn hóa địa danh Tây Nguyên ở thời điểm hiện tại là không thể khi đặc điểm ngôn ngữ của các dân tộc bản địa Tây Nguyên và Quốc ngữ còn có những khác biệt rất cơ bản.

Giải pháp chuẩn hóa địa danh Tây Nguyên được đề xuất trên cơ sở vận dụng một cách có lý luận, khoa học các nguyên tắc của UNGEGN, của địa danh học và của Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chuẩn hóa Địa danh và được Ủy ban Nhân dân các tỉnh Tây Nguyên chấp thuận là giải pháp tốt nhất có thể để kịp triển khai Thiết kế Kỹ thuật Dự toán “Xây dựng Hệ thống thông tin địa danh Dân cư, Sơn văn, Thủy văn và Kinh tế - Xã hội Tây Nguyên”.

Abstract

Solutions to standardization of place names in Tay Nguyen Plateau

Standardization of place names in Tay Nguyen Plateau of Vietnam is an extremely difficult task due to the linguistic characteristics of the ethnic groups living in this area. The paper propose a solution on standardization of place names in Tay Nguyen Plateau based on combination of all the principles of the place names translation applied by the UN Expert Team on the place naming and the National Technical Standard on Place Names Standardization that was issued by Vietnam Ministry of Natural Resources and Environment.